

**CHUYÊN ĐỀ 7: CÂU HỎI ĐUÔI (TAG QUESTIONS)**

**A. BÀI KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC**

*I. Choose the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the following questions.*

**Question 1.** No one is better at English than Lan, \_\_\_\_\_?

- A. is she                      B. isn't she                      C. are they                      D. aren't they

**Question 2.** There are a lot of people attending the wedding party, \_\_\_\_\_?

- A. are they                      B. are there                      C. aren't they                      D. aren't there

**Question 3.** He seldom goes to the park, \_\_\_\_\_?

- A. doesn't he                      B. is he                      C. does he                      D. isn't he

**Question 4.** Let's go for walk, \_\_\_\_\_?

- A. will we                      B. shall we                      C. don't you                      D. do you

**Question 5.** I think he will come here, \_\_\_\_\_?

- A. doesn't he                      B. won't he                      C. will he                      D. don't I

**Question 6.** The film is boring, \_\_\_\_\_?

- A. is it                      B. are they                      C. isn't it                      D. aren't they

**Question 7.** You are listening to music, \_\_\_\_\_?

- A. is you                      B. are you                      C. aren't you                      D. were you

**Question 8.** He can speak English, \_\_\_\_\_?

- A. can he                      B. can't he                      C. can't him                      D. could he

**Question 9.** You don't know her, \_\_\_\_\_?

- A. do you                      B. don't you                      C. are you                      D. aren't you

**Question 10.** Nga speaks English very well, \_\_\_\_\_?

- A. does she                      B. doesn't she                      C. is she                      D. was she

**Question 11.** John has bought a dictionary, \_\_\_\_\_?

A. does he                      B. did he                      C. has he                      D. hasn't he

Question 12. They met him at the party last night, \_\_\_\_\_?

A. do they                      B. don't they                      C. did they                      D. didn't they

Question 13. They are going to do the test tomorrow, \_\_\_\_\_?

A. do they                      B. are they                      C. aren't they                      D. did they

Question 14. I'm short, \_\_\_\_\_?

A. am not I                      B. aren't you                      C. are you                      D. aren't I

Question 15. No one is in this room now, \_\_\_\_\_?

A. is one                      B. isn't one                      C. is he                      D. are they

**II. Complete the following sentences with tag questions.**

Question 16. I am a teacher, \_\_\_\_\_?

Question 17. Nothing can make you change your love, \_\_\_\_\_?

Question 18. There were many people in the hall, \_\_\_\_\_?

Question 19. Nobody asked him to answer questions, \_\_\_\_\_?

Question 20. John should pass the exam, \_\_\_\_\_?

Question 21. Let's go jogging now, \_\_\_\_\_?

Question 22. These students seldom do their exercises, \_\_\_\_\_?

Question 23. You had a wonderful day, \_\_\_\_\_?

Question 24. People speak English in the world, \_\_\_\_\_?

Question 25. She hasn't seen him for ages, \_\_\_\_\_?

**B. ANSWER KEY**

**Question 1.**

Trong câu có *no one* nên phân hỏi đuôi dùng đại từ *they* và thể khẳng định.

**Dịch:** Không ai giỏi tiếng anh hơn Lan, phải không?

⇒ **Đáp án C**

**Question 2.**

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**  
**Hotline: 0902196677**

Phía trước là *there are* nên phần hỏi đuôi là *aren't there*.

**Dịch:** Có nhiều người tham dự tiệc cưới, phải không?

⇒ **Đáp án D**

**Question 3.**

Trong câu có trạng từ tần suất *seldom* nên phần hỏi đuôi phải ở thể khẳng định và dùng trợ động từ *does*

**Dịch:** Anh ấy hiếm khi đi tới công viên, phải không?

⇒ **Đáp án C**

**Question 4.**

Phía trước là *let's* nên phần hỏi đuôi dùng *shall we*.

**Dịch:** Chúng ta hãy đi dạo nhé?

⇒ **Đáp án B**

**Question 5.**

Phía trước có *I think* nên phần hỏi đuôi theo mệnh đề phía sau đó.

I think + S2 + V...+ trợ động từ (not) + S2?

Mệnh đề sau *I think* ở thì tương lai đơn (khẳng định) => phần hỏi đuôi dùng thể phủ định (thì tương lai đơn)

**Dịch:** Tôi nghĩ anh ấy sẽ đến đây, phải không?

⇒ **Đáp án B**

**Question 6.**

Chủ ngữ phía trước là *the film* nên phần hỏi đuôi dùng đại từ *it*.

**Dịch:** Bộ phim thì nhàm chán, phải không?

⇒ **Đáp án C**

**Question 7.**

Phía trước là thì hiện tại tiếp diễn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại tiếp diễn (phủ định).

You are..., aren't you?

**Dịch:** Bạn đang nghe nhạc, phải không?

⇒ **Đáp án C**

**Question 8.**

Phía trước dùng *can* nên phần hỏi đuôi dùng *can't* + đại từ nhân xưng?

**Dịch:** Anh ấy có thể nói Tiếng Anh, phải không?

⇒ **Đáp án B**

**Question 9.**

Phía trước là thì hiện tại đơn (phủ định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại đơn (khẳng định).

You don't..., do you?

**Dịch:** Bạn không biết cô ấy, phải không?

⇒ **Đáp án A**

**Question 10.**

Phía trước là thì hiện tại đơn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại đơn (phủ định)

Nga speaks..., doesn't she?

**Dịch:** Nga nói tiếng anh tốt, phải không?

⇒ **Đáp án B**

**Question 11.**

Phía trước là thì hiện tại hoàn thành (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì hiện tại hoàn thành (phủ định).

John has bought..., hasn't he?

**Dịch:** John vừa mua một quyển từ điển, phải không?

⇒ **Đáp án D**

**Question 12.**

Phía trước là thì quá khứ đơn (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì quá khứ đơn (phủ định).

They met...., didn't they?

**Dịch:** Họ đã gặp anh ấy ở bữa tiệc tối qua, phải không?

⇒ **Đáp án D**

**Question 13.**

Phía trước là thì tương lai gần (khẳng định) nên phần hỏi đuôi dùng thì tương lai gần (phủ định).

They are...., aren't they?

**Dịch:** Họ sẽ làm bài kiểm tra vào ngày mai, phải không?

⇒ **Đáp án C**

**Question 14.**

Phía trước là *I am* nên phần hỏi đuôi dùng *aren't I*

**Dịch:** Tôi thấp, phải không?

⇒ **Đáp án D**

**Question 15.**

Phía trước có *no one* nên phần hỏi đuôi dùng đại từ *they* và thể khẳng định của thì hiện tại đơn.

**Dịch:** Bây giờ không ai ở trong phòng này, phải không?

⇒ **Đáp án D**

**Question 16. aren't I**

Nếu câu trần thuật bắt đầu bằng *I am* thì phần hỏi đuôi là *aren't I*

“Tôi là giáo viên phải không?”

**Question 17. can it**

Trong câu có *nothing* nên ta dùng đại từ *it* mang nghĩa phủ định nên phần hỏi đuôi phải khẳng định.

“Không gì có thể làm bạn thay đổi tình yêu của bạn, phải không?”

**Question 18. weren't there**

**Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu**

**Hotline: 0902196677**

Về trước là thể khẳng định của thì quá khứ đơn với động từ *to be* ở quá khứ nên phần hỏi đuôi ở dạng phủ định với động từ *to be*.

“Có nhiều người ở trong hội trường phải không?”

**Question 19. did they**

Trong câu có *nobody* dùng đại từ *they*, mang nghĩa phủ định nên phần đuôi phải khẳng định.

“Không ai yêu cầu anh ấy trả lời câu hỏi phải không?”

**Question 20. shouldn't he**

“John nên thi đậu phải không?”

**Question 21. shall we**

Đây là lời đề nghị với *let's* nên phần hỏi đuôi là *shall we*.

“Bây giờ chúng ta đi chạy bộ nhé?”

**Question 22. do they**

Trong câu có *seldom* nên phần đuôi phải khẳng định.

“Những học sinh này hiếm khi làm bài tập phải không?”

**Question 23. didn't you**

“Bạn đã có một ngày tuyệt vời phải không?”

**Question 24. don't they**

“Mọi người nói Tiếng Anh trên thế giới phải không?”

**Question 25. has she**

“Lâu rồi cô ấy không gặp anh ấy phải không?”

**C.**

**KIẾN THỨC TRỌNG TÂM CẦN GHI NHỚ**

\* **Tag questions (Câu hỏi đuôi)**

**1. Định nghĩa:**

Câu hỏi đuôi là một câu hỏi ngắn được thêm vào cuối câu trần thuật và được ngăn cách bằng dấu phẩy theo công thức: câu trần thuật, phần đuôi?

**E.g:** It's a table, isn't it?

**2. Cách thành lập**

Câu hỏi đuôi được thành lập bằng một trợ động từ (hoặc động từ *to be*) và một đại từ nhân xưng (chỉ chủ ngữ của câu): auxiliary verb (+ not) + pronoun.

**a. Câu hỏi đuôi phủ định**

Câu hỏi đuôi phủ định (auxiliary verb + not + pronoun) được dùng sau câu trần thuật khẳng định. Hình thức phủ định thường được rút gọn (not = n't)

Câu hỏi đuôi phủ định bao gồm: "câu khẳng định và phần đuôi phủ định"

**E.g:**

- She is reading books, isn't she? (Cô ấy đang đọc sách, phải không?)

- Mr Nam can speak English well, can't he? (Ông Nam có thể nói tiếng anh tốt, phải không?)

- They did the test yesterday, didn't they? (Họ đã làm bài kiểm tra vào hôm qua, phải không?)

**b. Câu hỏi đuôi khẳng định**

Câu hỏi đuôi khẳng định (auxiliary verb + pronoun) được dùng sau câu trần thuật phủ định.

Câu hỏi đuôi khẳng định bao gồm "câu phủ định và phần đuôi khẳng định"

**E.g:**

- Nga isn't a student, is she? (Nga không phải là học sinh, phải không?)

- I shouldn't smoke here, should I? (Tôi không nên hút thuốc ở đây, phải không?)

- Her parents don't work in this company, do they? (Bố mẹ cô ấy không làm việc ở công ty này, phải không?)

### 3. Các trường hợp đặc biệt:

a. I am..., aren't I?

b. Let's V..., shall we?

c. Don't V, will you?

d. Khi chủ ngữ là *this/that*, thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *it*

This is a book, isn't it?

e. Khi chủ ngữ là *these, those* thì phần hỏi đuôi ta dùng chủ ngữ *they*

f. Khi chủ ngữ là *there*, phần hỏi đuôi ta vẫn dùng *there*

g. Đối với câu mệnh lệnh mang ý nghĩa mời, đề nghị thì phần hỏi đuôi ta dùng *will you*

h. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như: *anyone, anybody, no one, nobody, everybody, everyone, somebody, someone* thì chúng ta dùng đại từ "*they*" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi

**Ví dụ:** Everyone is going to the museum, aren't they?

There is no one in the class, are there? (vì trước là *no one* nên dùng khẳng định ở phía sau)

i. Khi chủ ngữ là những đại từ bất định như *everything, something, anything, nothing* thì chúng ta dùng đại từ "*it*" làm chủ từ trong câu hỏi đuôi.

j. Khi mệnh đề chính có cấu trúc: "I + think/believe/suppose/...."+ mệnh đề phụ thì ta dùng động từ trong mệnh đề phụ để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

**Ví dụ:** I think she will meet him, won't she?

k. Cũng mẫu cấu trúc này nhưng nếu chủ từ không phải là *I* thì dùng động từ chính trong câu (*think/believe/suppose/...*) để xác định động từ cho câu hỏi đuôi.

**Ví dụ:** She **thinks** he will come, **doesn't** she?



## Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

**Hotline: 0902196677**

1. Khi về đầu sử dụng động từ *had better*, ta mượn trợ động từ *had* để lập câu hỏi đuôi; Khi về đầu sử dụng động từ *would rather*, ta mượn trợ động từ *would* để lập câu hỏi đuôi.

### 4. Cách dùng

Trong văn nói, ý nghĩa của câu hỏi đuôi tùy thuộc vào cách diễn đạt.

- Nếu xuống giọng ở câu hỏi đuôi có nghĩa là không thật sự đặt câu hỏi, chỉ muốn người nghe đồng ý với mình.

- Nếu lên giọng ở câu hỏi đuôi, thì đó là câu hỏi thực sự.